

## ĐÔI ĐIỀU VỀ NGHỆ THUẬT SÂN KHẤU DÙ KÊ

Mai Mỹ Duyên<sup>1</sup>

### Tóm tắt

*Sự hình thành và phát triển nghệ thuật Dù kê gắn liền với một giai đoạn nhiều biến động trong lịch sử Việt Nam. Cùng với các loại hình nghệ thuật của người Kinh, Hoa, Chăm, sân khấu Dù kê của người Khmer đã tạo nên một diện mạo văn hóa đặc trưng ở miền Tây Nam Bộ. Trong giai đoạn giao lưu và hội nhập văn hóa với thế giới, nghệ thuật Dù kê cần có một chính sách phát triển; vừa giữ được những giá trị truyền thống vừa sáng tạo giá trị mới phù hợp với nhu cầu và thị hiếu thẩm mỹ của công chúng.*

*Từ khóa: nghệ thuật sân khấu, Dù kê, người Khmer, chính sách, giải pháp.*

### Abstract

*The formation and development of Du ke art closely connect a phase of changes in the Vietnamese history. Together with the art forms of Vietnamese, Chinese and Cham, Khmer Du ke theatre created a uniquely cultural aspect in the Southwest region. In the exchange and integration among cultures in the world, Du ke art needs a development policy in order to keep the traditional values and create new values, meeting demand and taste of the general public.*

*Keywords: Theatre Art, Du ke, Khmer people, policy, solution.*

Dù kê - một thể loại sân khấu nảy sinh trên những điều kiện cụ thể của miền Tây Nam Bộ. Đó là một vùng đất mà trước khi lưu dân Việt đến khai phá đã tồn tại một nền văn hóa bản địa đặc sắc và độc đáo, hình thành nên phong tục, tập quán, nếp sống, cấu trúc cộng đồng, các loại hình nghệ thuật và những di sản vật thể nằm sâu dưới lòng đất. Những cơ tầng văn hóa xếp chồng lên nhau qua các thời kỳ lịch sử đã cho thấy vùng đất này còn “ẩn tàng biết bao điều kỳ bí” mà cho đến ngày nay, khoa học vẫn còn phải tiếp tục nghiên cứu, khám phá, đặc biệt trong lĩnh vực văn hóa - nghệ thuật.

Nền nghệ thuật không thể tách rời không gian văn hóa của nó, mà trong đó, tính cách cộng đồng như một thành tố quan trọng để nghiên cứu và đánh giá. Từ Đờn ca Tài tử đến Cải lương của người Kinh, hát Tiều, hát Quảng của người Hoa, đặc biệt là Rô băm, Dù kê, Dì kê của người Khmer đã cho thấy: chỉ có những dân tộc nào có nghệ thuật trình diễn dân gian và cung đình phát triển ở trình độ cao mới có thể hình thành được loại hình sân khấu dân tộc – một loại hình nghệ thuật, đòi hỏi có sự phối hợp đến độ hoàn mỹ của nhiều loại hình nghệ thuật khác.

Sân khấu Dù kê của người Khmer ra đời vào đầu thế kỷ XX ở miền Tây Nam Bộ trong một bối cảnh xã hội có nhiều biến chuyển trên các lĩnh vực kinh tế, xã hội và văn hóa. Tây Nam Bộ bấy giờ đã trở thành vựa lúa cung ứng không chỉ nhu cầu tiêu dùng trong nước mà còn xuất khẩu ra thế giới. Nền nông nghiệp thương phẩm ra đời đã tác động rất lớn đến phương thức sản xuất, tập quán lao động và sinh hoạt; tất nhiên cũng sẽ tác động đến nhận thức, nếp nghĩ, thói quen, nhu cầu vật chất và tinh thần của cộng đồng các dân tộc ở Tây Nam Bộ. Tuy không chịu ảnh hưởng nhiều hệ tư tưởng phong kiến như người Kinh nhưng đứng trước xu thế “Cải lương” của thời đại, nghệ thuật Khmer cũng đã tìm ra một hướng đi mới, sáng tạo ra những sản phẩm mới để đáp ứng thị hiếu thẩm mỹ của người đương thời. Nghệ thuật sân khấu Dù kê ra đời như một tất yếu của lịch sử văn hóa Nam Bộ.

Dù kê, hay còn gọi là Lo khôn Ba Sắc, là loại sân khấu kết hợp ca-múa-nhạc-kịch hình thành ở vùng sông Hậu Việt Nam vào những thập niên 20 của thế kỷ trước. Nếu nói văn hóa Nam Bộ có đặc điểm là dung hợp của nhiều nguồn văn hóa khác thì nghệ thuật Dù kê tập trung rất rõ nét tính chất dung hợp đó. Theo một số tài liệu đã được công bố

<sup>1</sup> Tiến sĩ, Khoa Sau Đại học, Trường Đại học Văn hóa Thành phố Hồ Chí Minh

dưới dạng sách, tạp chí, thể loại sân khấu này có ảnh hưởng ít nhiều về nội dung kịch bản, âm nhạc, vũ đạo, nhạc khí ... của ca kịch người Hoa; hát Bội và Cải lương của người Kinh; Rô băm, Dù kê của người Campuchia, thậm chí vũ đạo, cách hóa trang của sân khấu Ấn Độ và âm nhạc của Pháp. Sự kế thừa những yếu tố ngoại lai đã cho thấy tính dung hợp và thích nghi văn hóa rất cao trong nghệ thuật sân khấu của người Khmer. Hay nói một cách khác, Dù kê đã biết tích hợp các thành tựu nghệ thuật của nhiều dân tộc khác với một tinh thần phóng khoáng, cởi mở, cầu thị, rồi cải biến lại, sáng tạo thêm để hình thành và phát triển một thể loại sân khấu độc đáo của dân tộc mình. Và cho dù diễn với bất kỳ thể tài kịch bản nào, với bất kỳ dàn nhạc nào, với bất kỳ điệu múa nào... chúng ta vẫn nhận diện được Dù kê của người Khmer Nam Bộ trong dòng chảy nghệ thuật dân tộc.

Dù thích nghi cao với đời sống xã hội, song số phận Dù kê cũng có những điểm tương đồng như các loại hình nghệ thuật của dân tộc khác ở Việt Nam; nghĩa là đang từ từ đi xuống mà vẫn chưa tìm được giải pháp tối ưu. Trong khi đó, đường lối văn hóa - văn nghệ ở Việt Nam được thể hiện trên các văn bản của Đảng, Nhà nước vẫn luôn khẳng định một lập trường không gì thay đổi: “Xây dựng và phát triển một nền văn hóa Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc”. Và từ trước đến nay, đã có biết bao công trình được Nhà nước hoặc những tổ chức phi chính phủ đầu tư nghiên cứu về văn hóa – nghệ thuật dân tộc. Đã có không ít địa phương với sự năng động, sáng tạo trong cách nghĩ, cách làm để vực dậy sân khấu dân tộc đang cứ từ từ tuột dốc từ hơn hai thập kỷ qua. Vậy mà cho đến hiện nay, vẫn chỉ là những giải pháp có tính thời điểm, chưa có những giải pháp được thực thi mang tính chất chiến lược, lâu dài. Đây là vấn đề rất đáng lưu tâm!

Thông thường khi nghiên cứu một vấn đề văn hóa, những nhà hoạt động thực tiễn thường đề ra các giải pháp nhằm giải quyết những hạn chế, bất cập hay những khó khăn làm cản trở sự phát triển. Tuy nhiên, các giải pháp không thể là sản phẩm của trí tưởng tượng, tách rời những *điều kiện cụ thể* đã và đang tác động, ảnh hưởng đến sự tồn tại, phát triển hoặc mai một của loại hình nghệ thuật. Những điều kiện cụ thể còn là căn cứ xác thực,

giúp cho việc định hình giải pháp và quá trình triển khai, thực hiện đạt kết quả. Như vậy, một hay nhiều giải pháp có tính khả thi cần phải có những đặc tính sau:

- **Tính thể chế của giải pháp:** với chức năng điều hòa và kiểm soát các mối quan hệ xã hội, các thiết chế chính trị, kinh tế sẽ chi phối rất lớn trong việc hoạch định chính sách về văn hóa - xã hội. Biểu hiện tính thể chế của các giải pháp là đường lối, chủ trương, chính sách về văn hóa dân tộc được cụ thể hóa bằng chỉ thị, nghị quyết, luật và những văn bản dưới luật. Những văn bản đó đều có thời hạn, thường sau một thời gian áp dụng thì phải điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với thực tế. Dù có điều chỉnh cho phù hợp hay vẫn còn giá trị sử dụng thì những quan điểm cơ bản về văn hóa - nghệ thuật vẫn được nhất quán. Vì vậy, việc đề ra giải pháp về văn hóa-nghệ thuật ở Việt Nam phải gắn với các quan điểm, đường lối và chủ trương của Đảng, Nhà nước được thống nhất từ trung ương đến địa phương.

- **Tính thực tiễn của giải pháp:** đó là những điều kiện thực tế ở địa phương (tỉnh - thành, quận - huyện, phường - xã ...) để đề ra giải pháp phù hợp. Những điều kiện của địa phương có thể quy thành hai nguồn lực quan trọng, đó là nhân lực và tài lực.

**1) Nhân lực:** là yếu tố quan trọng và quyết định cho sự tồn tại và phát triển của văn hóa - nghệ thuật. Con người không phải là khái niệm chung chung trừu xuất, mà là chủ thể tác động tích cực đối với nghệ thuật. Đối với sân khấu Dù kê có thể phân làm ba loại. Đó là những người lãnh đạo chuyên ngành các cấp có tâm huyết với văn hóa dân tộc (quyết tâm, dốc lòng để thực hiện giải pháp), có kiến thức chuyên ngành (để biết giải pháp đề ra cần được thực hiện như thế nào), có kỹ năng dự báo được sự phát triển của loại hình nghệ thuật trong tương lai. Đó là các nghệ sĩ, nghệ nhân, bao gồm: bầu gánh, thầy tuồng, đào kép, chế tác phục trang đạo cụ, làm âm thanh ánh sáng cho đến lực lượng dọn sân khấu... những người đã cống hiến cuộc đời cho nghệ thuật ở những vai trò khác nhau, luôn trân trọng nghiệp Tổ, sẵn sàng đóng góp trí tuệ, tâm lực của mình cho nghệ thuật dân tộc mãi được tôn vinh. Và quan trọng hơn, đó là cộng đồng cư dân Tây Nam Bộ - những công chúng đã nuôi

dưỡng, che chở, đóng góp tiền của để nghệ thuật được tồn tại bằng cả niềm say mê và ngưỡng mộ. Mà nếu không có họ với nhu cầu thưởng thức nghệ thuật thì Dù kê sẽ chẳng bao giờ được tồn tại và phát triển.

Giới truyền thông cho rằng: hiện nay, một bộ phận lớn thanh - thiếu niên quay lưng với nghệ thuật dân tộc, chạy theo các loại hình nghệ thuật của Hàn Quốc, Nhật Bản, châu Âu và Mỹ, không còn ham thích dân ca, Hát bội, Cải lương. Rõ ràng một buổi trình diễn của các ban, nhóm nhạc Rock (nước ngoài hay Việt Nam) đều có số lượng khán giả đông đảo, cuồng nhiệt hưởng ứng, còn một buổi sinh hoạt Đờn ca Tài tử thì ngoài các thành viên chính thức của Câu lạc bộ chỉ có một số người yêu thích loại hình này đến nghe, xem mà thôi. Song, điều đó không có nghĩa là nhạc Rock hay nên cuốn hút nhiều người và nhạc Tài tử dở nên ít người thích dự. Mỗi dòng nghệ thuật có công chúng của nó và cách biểu hiện sự quan tâm, yêu thích cũng rất khác nhau. Như vậy, không chỉ đào tạo những người “làm nghề” mà cần phải đào tạo một lực lượng công chúng biết thưởng thức và yêu mến nghệ thuật dân tộc.

Không ít người ca ngợi những tài năng điện ảnh của phương Tây đã không qua trường lớp đào tạo chuyên môn mà vẫn trở thành niềm ngưỡng mộ của cả thế giới về tài năng diễn xuất. Thực ra, họ học nhiều hơn chúng ta tưởng. Học từ tiểu học đến trung học những kiến thức và kỹ năng thực hành nghệ thuật; học cách nhận xét, đánh giá nghệ thuật; học cách tham gia hoạt động biểu diễn với những vai trò khác nhau... tất cả đều thông qua những giờ lên lớp, những buổi ngoại khóa và những chương trình thực hành nghệ thuật ngay khi họ còn ngồi trên ghế nhà trường phổ thông. Chính cách đào tạo đó đã tạo được nền tảng vững chắc về nghệ thuật rồi cùng với việc tạo ra một môi trường hoạt động để khai thác tài năng đã giúp cá nhân sớm được bộc lộ và khẳng định vị thế của mình. Đây là bài học từ các nước có nền công nghiệp giải trí phát triển, có những đỉnh cao tài năng trong sáng tạo nghệ thuật, có các nhà quản lý giỏi, năng động, biết khai thác nghệ thuật gắn với lợi ích kinh tế và quan trọng hơn, có được đông đảo công chúng với nhu cầu thẩm mỹ cao và biết thưởng thức nghệ thuật.

Như vậy, chủ thể của mỗi dòng nghệ thuật không chỉ là người sáng tạo mà còn là người thưởng thức và các nhà quản lý. Nghệ thuật Dù kê đã từng có các bầu gánh ngoài tâm huyết, trí tuệ còn dốc toàn bộ tài sản để đầu tư cho nghệ thuật; đã từng có những soạn giả, diễn viên tài năng dù khó khăn vẫn quyết tâm theo nghề; đã từng có những lớp công chúng yêu mến, say mê hàng đêm có mặt khi sân khấu sáng ánh đèn. Những lớp người trước có thể đã thành thiên cổ nhưng niềm tự hào về truyền thống văn hóa dân tộc và ý thức bảo tồn, phát huy nghệ thuật vẫn còn đó nhưng ẩn khuất đâu đó trong tâm thức nguồn cội ở mỗi con người hôm nay. Vấn đề đặt ra là cả một hệ thống giáo dục – đào tạo sẽ làm gì để bảo tồn và phát huy nghệ thuật dân tộc?

**2) Tài lực và sự đãi ngộ:** muốn nghệ thuật định hình và phát triển phải có nguồn tài lực tương xứng. Từ trước đến nay, dòng nghệ thuật dân tộc ở Việt Nam được đầu tư bởi hai nguồn kinh phí: nhà nước và người dân. Nếu như Nhà nước đầu tư vì văn hóa – nghệ thuật “phục vụ nhiệm vụ chính trị” thì người dân đầu tư khi văn hóa – nghệ thuật thỏa mãn được nhu cầu đại chúng. Không thỏa mãn được nhu cầu thì bất kỳ loại hình nghệ thuật nào cũng khó có thể tồn tại và phát triển. Và Dù kê cũng không ngoại lệ. Trước khi Nhà nước đầu tư tài lực cho các đoàn nghệ thuật hoạt động, nhân dân – những công chúng yêu chuộng nghệ thuật đã “tranh nhau” đầu tư để làm cho Dù kê ngày càng hay, càng đẹp. Sự đầu tư đúng mức mới phát xuất được tài năng, mới làm cho nghệ thuật sang trọng và xứng đáng được ngưỡng mộ. Nhìn lại việc đầu tư cho nghệ thuật dân tộc trong mấy thập niên qua sẽ thấy nhiều bất cập. Chỉ đầu tư dựng vở tham dự hội diễn, liên hoan, đầu tư khi có đề án quy hoạch hay dự án nghiên cứu khoa học, đầu tư nhỏ giọt thường kỳ để duy trì bộ máy hoạt động nghệ thuật. Đối với các đoàn nghệ thuật dân tộc do Nhà nước tổ chức đều có sự đầu tư; song các hạng mục gắn với mức chi đó đã quá lạc hậu so với bối cảnh kinh tế hiện nay và nhu cầu phát triển của đoàn.

Tiếp xúc những soạn giả Cải lương và kịch nói ở Thành phố Hồ Chí Minh, tôi được biết trước kia, kịch bản của họ nếu được một bầu gánh hát chấp thuận, ngoài việc ký công-trả nhận tiền tác quyền một lần thì cứ mỗi khi đoàn kéo màn lên diễn, soạn

giả còn nhận được tiền nhuận bút tính trên tỉ lệ doanh thu do đôi bên thỏa thuận. Một kịch bản hay, diễn suốt năm này qua năm khác đã giúp người nghệ sỹ sống phong lưu và thoải mái sáng tạo kịch bản mới. Mặc nhiên, không đợi đến nhà nước chủ trương xây dựng một nền công nghiệp văn hóa mà xuất phát từ nhu cầu xã hội, tự thân nền công nghiệp văn hóa sẽ hình thành một khi nghệ thuật được khẳng định như một loại hàng hóa có giá trị đặc biệt. Như vậy, sự đãi ngộ phải luôn gắn với những thành tựu nghệ thuật mà người nghệ sỹ, nghệ nhân cống hiến cho cuộc đời. Sự đãi ngộ không chỉ xét trên những tiêu chí (rất bất hợp lý) như hiện nay mà còn phải xét trên chỉ số hài lòng, thỏa mãn của công chúng thông qua lượng khán giả của từng đêm diễn. Chính công chúng là thước đo giá trị của người “làm nghề” một cách công bằng nhất.

Tín ngưỡng và giải trí là nền tảng để hình thành nghệ thuật. Nếu trong tín ngưỡng, con người bày tỏ niềm khát vọng được vươn cao hơn thực tại thì ở góc độ giải trí, tiêu khiển nghệ thuật đem đến cộng đồng một sự gắn kết kỳ diệu bởi tình yêu và sự đồng cảm. Nghệ thuật được ví như một món ăn tinh thần, nhưng là loại món ăn đặc biệt vì nó không chỉ đem lại khoái cảm thẩm mỹ, giúp con người khám phá được các giá trị văn hóa để thấy cuộc sống có ý nghĩa biết bao. Nghệ thuật Dù kê tuy là tiếng nói của tự do cảm xúc và sáng tạo cá nhân (ở từng chuyên môn khác nhau) nhưng lại gắn kết chặt chẽ, tinh vi trong nội dung và hình thức biểu đạt. Một thể loại sân khấu đẹp - hay như vậy xứng đáng được trân trọng và tôn vinh; xứng đáng được bảo tồn và phát huy trên hành trình đi lên của dân tộc.

### Tài liệu tham khảo

- Lê Hương. 1969. *Người Việt gốc Miên*. Nhà sách Khai Trí. Sài Gòn.
- Sơn Lương. 2012. *Tìm hiểu nghệ thuật sân khấu Dù kê Khmer Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*. Hội Văn học - Nghệ thuật. Sóc Trăng.
- Sơn Ngọc Hoàng. 2012. *Tìm hiểu nghệ thuật sân khấu Rô Băm của dân tộc Khmer Nam Bộ trên địa bàn tỉnh Sóc Trăng*. Sở KHCN - Trường VHNT. Sóc Trăng.
- Thạch Voi. 1988. *Văn hóa nghệ thuật của người Khmer Đồng bằng sông Cửu Long*. NXB Hậu Giang.